|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: /BC-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013**

**của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung**

Thực hiện quy định của Luật Ban hanh văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung. Kết quả như sau:

# I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

## 1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

**1.1. Trong nước**

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của Đại hội đảng lần thứ 13 đã xác định: *“Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp,* ***khu CNTT tập trung*** *và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hóa và tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao và theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng, địa bàn trọng điểm”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định ***“phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số”*** là một trong những giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó xác định *“Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,* ***khu CNTT tập trung****”*; *“Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội”*.

- Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số (số 71/2025/QH15), trong đó khoản 5 Điều 49 điều chỉnh tên gọi *“khu CNTT tập trung”* thành ***“khu công nghệ số tập trung”***. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về: đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số (Điều 21); điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung (Điều 21); trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 22); công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung (Điều 23); và quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 25).

- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung hiện nay có nhiều quy định không còn phù hợp trong hệ thống pháp luật chuyên ngành (đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, tài sản kết cấu hạ tầng, ưu đãi đầu tư).

### 1.2. Quốc tế

Khu công nghệ số tập trung được hình thành nhằm tạo ra một môi trường tối ưu và hệ sinh thái lý tưởng cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động. Hiện nay, khu công nghệ số tập trung đã chứng minh đây là không gian lý tưởng để khuyến khích sự phát triển công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, ứng dụng thành tựu công nghệ số vào thị trường qua đó đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

Tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển và đang phát triển, xu hướng thành lập các khu có mô hình tương tự như khu công nghệ số tập trung (IT Park, Software Park, Innovation Park, Science and Technology Park) được chú trọng và đặt mục tiêu là tiền đề thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, trọng tâm là công nghệ số - công nghệ lõi và quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Các quốc gia có nền kinh tế càng phát triển thì số lượng khu công nghệ số tập trung càng nhiều. Các quốc gia đang phát triển sử dụng khu công nghệ số tập trung như là một công cụ để thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, qua đó bắt kịp các quốc gia phát triển về kinh tế. Theo thống kê, Mỹ đang là quốc gia sở hữu nhiều khu công nghệ số tập trung nhất với hơn 150 cơ sở, Nhật Bản là quốc gia tiếp theo với 111 cơ sở, Trung Quốc bắt đầu phát triển khu CNTT tập trung vào giữa những năm 1980 và hiện giờ có khoảng 100 cơ sở[[1]](#footnote-1).

Chính vì vậy, phát triển các khu công nghệ số tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng trọng tâm phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam, tạo động lực thực hiện công cuộc đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp trong giai đoạn tới. Do đó, việc xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP) để hoàn thiện hàng lang pháp lý về khu công nghệ số tập trung là một yêu cầu cấp bách, xuất phát từ cả khoảng trống pháp lý và sự thiếu đồng bộ của các quy định hiện hành với hệ thống pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

## 2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ Thông tin và Truyền thông trước đây) đã thực hiện tổng kết thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

- Ngày 19/12/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã có Báo cáo số 167/BC-BTTTT về việc Tổng kết thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP gửi Chính phủ.

- Trong năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã tổ chức một số đoàn công tác tại Bình Định và TP.Hồ Chí Minh khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện tại các khu công nghệ thông tin tập trung nhằm trao đổi, tiếp thu ý kiến trong quá trình nghiên cứu xây dựn chính sách mới.

# II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

## 1. Việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

### 1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ngày 08/11/20 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 08/11/2013 có hiệu lực từ ngày 01/01/2014. Nghị định số 154/2013/NĐ-CP được ban hành nhằm thay thế quy định Chương III Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin. Mục tiêu của Nghị định là quy định về việc thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; tổ chức quản lý hoạt động, cơ chế, chính sách ưu đãi và hoạt động quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung.

Sau khi Nghị định ban hành, Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông) đã triển khai hoạt động hướng dẫn các địa phương chính sách và xây dựng hồ sơ thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

Bên cạnh kết quả đã thành lập, công nhận 08 khu CNTT tập trung trên cả nước, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung. Với mục tiêu nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung, đồng thời thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP cần được sửa đổi, thay thế.

### 1.2. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện

Ngay sau khi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP được ban hành, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có đơn vị chuyên môn thực hiện việc giải đáp, hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến việc thực hiện Nghị định.

Công tác phổ biến, tuyên truyền được chú trọng thông qua việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm phổ biến chính sách pháp luật về khu CNTT tập trung và xúc tiến đầu tư vào các khu CNTT tập trung tại địa phương.

Phổ biến, giáo dục pháp luật qua hình thức trả lời văn bản, giải đáp vướng mắc về chính sách pháp luật liên quan đến khu CNTT tập trung cho các địa phương, tổ chức thực hiện việc thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung, trả lời trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Thông qua các hội thảo, tọa đàm các địa phương, doanh nghiệp hiểu sâu hơn về chính sách pháp luật liên quan đến khu CNTT tập trung để triển khai thực hiện có hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

## 2. Kết quả thi hành

### 2.1. Phát triển các khu CNTT tập trung

Sự ra đời của các khu CNTT tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp lĩnh vực CNTT hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp CNTT. Khu CNTT tập trung cũng là vườn ươm cho doanh nghiệp mới phát triển, cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Đồng thời, còn là những trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng cho cả nước nói chung và ngành CNTT nói riêng.

Kể từ khi ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP cho đến hết tháng 9 năm 2025, trên địa bàn cả nước đã hình thành hệ thống khu CNTT tập trung gồm:

- Tổng cộng có 08 khu CNTT tập trung, trong đó 04 khu CNTT tập trung được thành lập, 04 khu CNTT tập trung được công nhận; Có 2 dự án khu CNTT tập trung đã được bổ sung vào quy hoạch phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2025 theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gọi** | **Quy mô (ha)** | **Hiện trạng** |
| **I** | **Khu CNTT đang hoạt động** |
| 1 | Công viên phần mềm Quang Trung | 43 | Hoạt động |
| 2.1 | Công viên phần mềm Đà Nẵng | 1,08 | Hoạt động |
| 2.2 | Công viên phần mềm Đà Nẵng số 2[[2]](#footnote-2) | 2,86 | Hoạt động |
| 3 | Khu CNTT tập trung Cầu Giấy – Hà Nội | 8,3 | Hoạt động |
| 4 | Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội | 31,14 | Đang đầu tư xây dựng |
| 5 | Khu CNTT tập trung Đà Nẵng | 131 | Hoạt động |
| 6 | Khu CNTT tập trung Cần Thơ | 20,02 | Đang đầu tư xây dựng |
| 7 | Khu Phức hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng | 5,93 | Hoạt động |
| 8 | Khu CNTT tập trung Bình Dương | 15,47 | Hoạt động |
| **II** | **Dự án khu CNTT tập trung đã được bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung[[3]](#footnote-3)** |
|  | Dự án Khu CNTT tập trung Yên Bình | 200[[4]](#footnote-4) | Bổ sung vào quy hoạch |
|  | Dự án Khu CNTT tập trung Bắc Ninh | 250 | Bổ sung vào quy hoạch |

- Tổng cộng có 05 khu CNTT tập trung đang hoạt động trên địa bàn của 3 thành phố lớn là: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; 02 khu đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự kiến hoàn thành và hoạt động trong giai đoạn 2024 – 2025.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đơn vị** | **2014****|****2016** | **2017****|****2019** | **2020** | **2021****|****2022** | **2023****|****2024** | **9/2025** |
| **Số lượng** | Khu | 2 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Tổng quỹ đất** | m2 | 513.000 | 835.200 | 2.145.200 | 2.345.400 | 2.404.700 | 2.588.000 |
| **Doanh nghiệp** | DN | 223 | 298 | 298 | 302 | 326 | 336 |
| **Nhân lực** | Người | 21.393[[5]](#footnote-5) | 23.793[[6]](#footnote-6) | 38.500 | 38.500 | 42.150 | 42.450 |

- Quy mô của các khu CNTT tập trung nhỏ hơn so với loại hình khu công nghiệp, khu kinh tế do trong khu CNTT tập trung chủ yếu tập trung chủ yếu là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm. Một số khu CNTT tập trung có quy mô lớn đã được thành lập dự kiến sẽ thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực phần cứng vẫn đang trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư. Đồng thời, theo xu hướng phát triển trong thời gian tới, bên cạnh các doanh nghiệp chuyên về hoạt động sản xuất hàng hoá là sản phẩm CNTT, nhiều doanh nghiệp phần mềm lớn sẽ có nhu cầu sử dụng không gian rộng hơn để phục vụ nhu cầu phát triển, thử nghiệm phần mềm, công nghệ số thế hệ mới[[7]](#footnote-7). Điều này sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng diện tích đất lớn hơn và các khu CNTT tập trung sẽ có sự tăng dần về quy mô.

Khu CNTT tập trung đã đóng góp tích cực vào thành tựu tăng trưởng và phát triển ngành công nghiệp CNTT, thể hiện trên các mặt sau:

(1) Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; tạo ra hạ tầng quan trọng trên cơ sở sử dụng hiệu quả tài nguyên cho phát triển ngành công nghiệp CNTT[[8]](#footnote-8).

(2) Góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, trong đó đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp phần mềm, nâng cao giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực phần mềm[[9]](#footnote-9).

(3) Thúc đẩy phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT[[10]](#footnote-10); góp phần giải quyết nhiều công ăn việc làm, tăng năng suất và chuyển dịch cơ cấu lao động[[11]](#footnote-11).

(4) Thu hút vốn đầu tư vào phát triển hạ tầng khu CNTT tập trung, bổ sung nguồn lực quan trọng cho phát triển ngành công nghiệp CNTT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

### 2.2. Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung

Sau khi được công nhận là khu CNTT tập trung vào năm 2009 (theo Luật CNTT), Công viên phần mềm Quang Trung đang là mô hình khu CNTT phát triển thành công nhất tại Việt Nam. Hiện nay, Công viên phần mềm Quang Trung đã thu hút được hơn 146 doanh nghiệp CNTT, trong đó có 06 doanh nghiệp có quy mô trên 1.000 người với 650 sản phẩm, giải pháp và là nơi phục vụ cho 21.196 người học tập, làm việc thường xuyên.

Nhằm mục tiêu nhân rộng và tạo ra sự liên kết, phát huy và lan toả thương hiệu của Công viên phần mềm Quang Trung; đồng thời, thúc đẩy phát triển mô hình khu CNTT tập trung, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 03/3/2016 thí điểm thành lập Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung (sau đây gọi tắt là Chuỗi) với 02 thành viên ban đầu là: Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ phần mềm - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thí điểm từ năm 2016-2020, gia hạn đến tháng 12 năm 2023 theo Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 18/6/2021.

Về bản chất, Chuỗi là mô hình liên kết giữa Công viên phần mềm Quang Trung với các khu CNTT tập trung, khu phần mềm, trung tâm CNTT và các khu có chức năng tương tự… để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực CNTT. Trong đó, Công viên phần mềm Quang Trung đóng vai trò dẫn dắt, chia sẻ về kinh nghiệm quản lý, điều hành, định hướng phát triển và phát huy các lợi thế cạnh tranh của từng địa phương để cộng hưởng thúc đẩy, hỗ trợ các địa phương phát triển công nghiệp CNTT.

Mô hình Chuỗi chính là giải pháp đột phá trong việc thúc đẩy phát triển hệ thống khu CNTT tập trung tại Việt Nam, thông qua 2 cơ chế đặc biệt: được phép kết nạp thêm các thành viên; đồng thời là cơ chế thử nghiệm về chính sách (sandbox) đầu tiên của cả nước về công nghệ số với đối tượng, quy mô và thời gian cụ thể, trong đó các thành viên tham gia Chuỗi được áp dụng cơ chế chính sách theo quy định của Nghị định số 154/2013/NĐ-CP.

Kết thúc thời gian thí điểm, Chuỗi đang có tổng cộng 04 thành viên, 02 thành viên đang trong quá trình xem xét, kết nạp và 05 địa phương đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị kết nạp.



Trong mô hình Chuỗi, mỗi thành viên sẽ thực hiện một số phân khúc, hoạt động công nghiệp CNTT phù hợp với điều kiện tại địa phương và chiến lược phát triển chung của cả Chuỗi. Việc phân công, phối hợp này giúp phát huy tiềm năng lợi thế riêng từng vùng, từng địa phương và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình Chuỗi.Theo đó, Công viên phần mềm Quang Trung - Hạt nhân phát triển công nghệ, sản phẩm, giải pháp công nghệ số và doanh nghiệp; Khu Công nghệ phần mềm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm khởi nghiệp và đào tạo; Trung tâm CNTT tỉnh Thừa Thiên Huế - Trung tâm phát triển sản phẩm công nghệ số cho du lịch và y tế; Trung tâm CNTT và Truyền thông tỉnh Bình Định - Trung tâm phát triển AI của cả nước và khu vực; Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang - sau khi kết nạp sẽ định hướng trở thành Trung tâm BPO với mục tiêu là hình thành nên thương hiệu BPO của khu vực, tập trung các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ gia công phần mềm cho đối tác nước ngoài.

Sự phát triển của Chuỗi cùng với việc nhận thức được xu hướng và vai trò của công nghiệp CNTT đối với phát triển kinh tế đã thúc đẩy nhiều tỉnh phía Nam quyết tâm tham gia và nghiên cứu học hỏi mô hình phát triển. Các thành viên khi tham gia vào Chuỗi sẽ tận dụng, học hỏi được kinh nghiệm hơn 20 năm từ Công viên phần mềm Quang Trung, rút ngắn thời gian triển khai cũng như có nhiều bài học từ kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và phát triển. Đồng thời, được tham gia vào mô hình chung phát triển ngành công nghiệp phần mềm với định hướng và điều phối của Công viên phần mềm Quang Trung.

Kể từ khi thực hiện mô hình thí điểm, Chuỗi đã đạt được nhiều kết quả tích cực và góp phần đáng kể vào sự phát triển về công nghiệp CNTT tại địa phương, hiệu ứng lan toả về khu CNTT trên cả nước. Một số kết quả tích cực như sau:

*(1) Doanh thu*

Trừ giai đoạn 2020 - 2021 thì tổng doanh thu của Chuỗi bị sụt giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 thì tốc độ tăng trưởng doanh thu các thành viên Chuỗi trong giai đoạn 2016- 2020 năm sau luôn cao hơn năm trước và đạt cao nhất vào năm 2020 với 13.920 tỷ đồng.Tổng doanh thu của các doanh nghiệp thành viên Chuỗi bắt đầu tăng trở lại trong năm 2022 và dự kiến trong năm 2023 đạt 13.985 tỷ đồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị** | **Doanh thu (Tỷ VNĐ)** |
| **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| QTSC | 6.453,22 | 8.072,98 | 10.107,37 | 11.876,16 | 13.657,58 | 12.013,00 | 9.363,60 |  |
| ITP | 3,2 | 7,2 | 8,7 | 11,4 | 9,6 | 16,60 | 20,90 |
| HueCIT |  | 7,06 | 9,40 | 7,79 |
| BDICT |  | 351 |
| Tổng | 6.456,42 | 8.080,18 | 10.116,07 | 11.887,56 | 13.680,18 | 12.029,60 | 9.735,50 | 13.985 |

*(2) Doanh nghiệp*

Số lượng doanh nghiệp CNTT thuộc thành viên Chuỗi trong giai đoạn 2016 - 2022 ước tính dao động trong khoảng từ 168 - 240 doanh nghiệp. Trong đó, năm 2021 là đỉnh của dịch Covid-19 nên có nhiều doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ rời khỏi khu CNTT tập trung dẫn đến giảm số lượng doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị** | **Số lượng doanh nghiệp** |
| **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| QTSC | 140 | 150 | 160 | 165 | 165 | ***146\**** | 146 | 146 |
| ITP | 16 | 20 | 25 | 60 | 58 | 56 | 74 | 74 |
| HueCIT |  | 14 | 14 | 13 | 13 |
| BDICT |  | 2 | 2 |
| **Tổng** | **168** | **183** | **199** | **240** | **237** | **216** | **235** | **235** |

*(3) Nhân lực*

Tổng số nhân lực học tập và làm việc trong Chuỗi cao nhất là 33.226 người vào năm 2020, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 năm 2020-2021 giảm xuống thấp nhất còn 28.370 người. Đến năm 2023, ước tính số lượng người học tập và làm việc đạt 31.403 người.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** |
| **Làm việc** | **Học tập** | **Làm việc** | **Học tập** | **Làm việc** | **Học tập** | **Làm việc** | **Học tập** |
| QTSC | 11.311 | 10.520 | 11.191 | 10.520 | 10.799 | 10.471 | 10.714 | 10.362 |
| ITP | 1.800 | 8.000 | 1.415 | 6.400 | 1.230 | 5.600 | 1.800 | 8.000 |
| HueCIT |  | 215 | 1.500 | 120 | 150 | 120 | 150 |
| BDICT |  | 700 |  |
| Tổng | 13.311 | 18.640 | 13.206 | 20.020 | 12.149 | 16.221 | 13.334 | 18.512 |

*(4) Hỗ trợ phát triển các thành viên*

Kể từ khi tham gia vào Chuỗi, Khu Công nghệ phần mềm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự tăng trưởng, đóng góp chung vào sự phát triển hoạt động của Chuỗi với số lượng doanh nghiệp đang hoạt động và doanh nghiệp khởi nghiệp được hỗ trợ đạt 189 doanh nghiệp gấp 4,2 lần so với năm 2016, vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp đạt 350 tỷ đồng.

Trung tâm CNTT tỉnh Thừa Thiên Huế là thành viên thứ 03 của Chuỗi được kết nạp vào cuối năm 2019. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm CNTT tỉnh Thừa Thiên Huế tuy còn nhỏ và chịu nhiều tác động từ sau dịch Covid-19 nhưng xu hướng vẫn có sự tăng trưởng qua các năm. Ước tính đến năm 2023, doanh thu của Trung tâm CNTT tỉnh Thừa Thiên Huế đạt gần hơn 50 tỷ đồng, tăng 2,21 lần so với cùng kỳ năm 2020.

Trung tâm CNTT và Truyền thông tỉnh Bình Định là thành viên thứ 04 của Chuỗi tuy mới được kết nạp nhưng đến nay đã có 02 doanh nghiệp phần mềm lớn (FPT, TMA) đầu tư hoạt động trong Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Bình Định, tổng doanh thu ước đạt 246 tỷ đồng.

### 2.3. Bất cập, vướng mắc trong thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP

*(1)**Phát triển khu công nghệ số tập trung chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của một số thành phố lớn*

Các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và nguồn lực để đầu tư phát triển khu CNTT tập trung. Bên cạnh đó, nguồn chi ngân sách hàng năm của các thành phố này cho đầu tư, mua sắm lĩnh vực CNTT phục vụ cơ quan nhà nước là rất lớn; số lượng doanh nghiệp và quy mô dân số cũng là thị trường tiềm năng cho phát triển công nghiệp CNTT và khu CNTT tập trung. Nhưng đến nay, Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh chỉ có 01 khu công nghệ số tập trung đang hoạt động. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 28/3/2016 thành lập Khu CNTT tập trung Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội. Hiện nay, Khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội vẫn vướng mắc quá trình triển khai đầu tư hạ tầng, chậm trễ đưa vào hoạt động theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định thành lập. Thực tế này cho thấy một số địa phương được định hướng quy hoạch là trọng điểm phát triển khu công nghệ số tập trung chưa thực sự quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để bảo đảm các mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao.

*(2) Điều chỉnh tên gọi khu CNTT tập trung thành khu công nghệ số tập trung phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số*

Ngày 08/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu CNTT tập trung. Trải qua hơn 10 năm thực thi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP, nhiều khu CNTT tập trung đã được hình thành và phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

Ngày 14/6/2025, Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số, thiết lập một khung chính sách mới, mang tính định hướng cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, và thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, khoản 5 Điều 49 Luật Công nghiệp công nghệ số đã chuyển đổi tên gọi từ *“khu CNTT tập trung”* thành ***“khu công nghệ số tập trung”***, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

*(3) Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung không còn phù hợp với pháp luật về quy hoạch*

Theo quy định của Luật Quy hoạch thì Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung tại Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 hết hiệu lực, nội dung quy hoạch khu công nghệ số tập trung sẽ được tích hợp vào quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

*(4) Điều kiện thành lập, mở rộng và tiêu chí công nhận khu CNTT tập trung cần phải được điều chỉnh để bảo đảm phát triển hiệu quả*

Các điều kiện về thành lập, mở rộng[[12]](#footnote-12) khu CNTT tập trung và tiêu chí[[13]](#footnote-13) công nhận khu CNTT tập trung tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số và các quy định pháp luật chuyên ngành mới được ban hành hoặc sửa đổi, cụ thể:

- Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP yêu cầu thành lập khu CNTT tập trung phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đã được phê duyệt, trong khi hiện nay không còn quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung theo pháp luật về quy hoạch (như thuyết minh tại mục I.2.1).

- Các điều kiện về chức năng, nhiệm vụ chưa đáp ứng đầy đủ, chi tiết theo quy định mới tại khoản 1 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số và yêu cầu của phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

- Các tiêu chí để công nhận khu CNTT tập trung như: nhân lực, quy mô diện tích cần phải có sự điều chỉnh để đồng bộ với Luật Công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số.

*(5) Phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ số tập trung*

Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu CNTT tập trung. Tuy nhiên, Luật Công nghiệp công nghệ số đã phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng[[14]](#footnote-14) và công nhận[[15]](#footnote-15) khu CNTT tập trung cho UBND cấp tỉnh. Điều này đã tạo sự chủ động, linh hoạt và rút ngắn trình tự, thủ tục cho địa phương, tổ chức và doanh nghiệp trong thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung. Theo đó, khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đồng thời, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy trình của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Tương tự, Luật Công nghiệp công nghệ số đã phân cấp thẩm quyền quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh. Đồng thời, tiêu chí để công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung cần cphải điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với thực tiễn phát triển.

*(4) Thiếu quy định về đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung và dự án đầu tư lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung*

Khu công nghệ số tập trung[[16]](#footnote-16) là khu chức năng, tập trung các hoạt động nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ, đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các hoạt động khác trong khu. Việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Tuy nhiên, pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư mới chỉ quy định về thành phần hồ sơ, một số nội dung về nguyên tắc, mang tính tổng quan trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, chưa có quy định chi tiết nội dung để thể hiện tính phù hợp, việc đáp ứng điều kiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. Đồng thời, pháp luật về đầu tư chưa quy định về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thứ cấp có sử dụng đất trong khu công nghệ số tập trung. Điều này đã gây ra khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thứ cấp có sử dụng đất trong khu công nghệ số tập trung.

Ngoài ra, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP chưa quy định cơ quan có thẩm quyền đăng ký đầu tư thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung.

*(5) Cơ chế, chính sách ưu đãi không phù hợp, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành*

Điều 21, Điều 22 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu CNTT tập trung. Trong đó, một số quy định về ưu đãi đã không còn phù hợp, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành như: Miễn 50% tiền sử dụng đất cho dự án xây dựng khu CNTT tập trung không phù hợp với Luật Đất đai 2020; Huy động vốn dưới dạng trái phiếu dự án theo quy định của pháp luật cho dự án xây dựng khu CNTT tập trung đã được quy định chi tiết tại Luật doanh nghiệp, chứng khoán đã có quy định chi tiết về phát hành trái phiếu dự án; mở điểm thông quan trong khu CNTT tập trung đã được quy định chi tiết tại Luật Hải Quan. Ngoài ra, Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số đã quy định chi tiết cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung.

# III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để bảo đảm hoàn thiện hàng lang pháp lý cho khu công nghệ số tập trung, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật chuyên ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất xây dựng dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung.

# 1. Cơ sở pháp lý

- Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung là văn bản hướng dẫn các nội dung về khu công nghệ số tập trung tại Mục 4 Chương II Luật Công nghiệp công nghệ số.

- Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung sẽ thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

## 2. Mục tiêu

- Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung được xây dựng dựa trên các tư tưởng, chính sách mới mang tính đột phá, phù hợp với quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước về công nghiệp công nghệ số và khu công nghệ số tập trung; đồng thời, có sự kế thừa và có điều chỉnh một số nội dung nền tảng của Nghị định số 154/2013/NĐ-CP.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về khu công nghệ số tập trung để giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn, đặc biệt là về quy trình thực hiện dự án đầu tư đối với khu công nghệ số tập trung; đồng thời, định hướng thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu công nghệ số tập trung làm hạ tầng để phát triển công nghiệp công nghệ số trong giai đoạn tới.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng báo cáo và kính trình Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Bộ trưởng (để b/c);- Văn phòng Chính phủ;- Các bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;- UBND các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hồ Chính Minh, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Bình Định;- Đại học Quốc gia TP. Hồ Chính Minh;- Lưu: VT, CNCNTT (LDH). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Bùi Hoàng Phương** |

**Phụ lục**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO** | **ĐÁNH GIÁ****(Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định ***“phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số”*** là một trong những giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. | Chương II, Mục 4 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm khu công nghệ số tập trung)Chính sách tại dự thảo Nghị định hướng đến việc bảo đảm các khu công nghệ số tập trung hoạt động hiệu quả, là hạ tầng quan trọng cho phát triển công nghiệp công nghệ số | Đã thể chế đầy đủ | Xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung thay thế cho Nghị định số 154/2013/NĐ-CP |
| Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định *“Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,* ***khu CNTT tập trung****”*; *“Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin,* ***hạ tầng số****, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội”*. | Chương II, Mục 4 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm khu công nghệ số tập trung)Chính sách tại dự thảo Nghị định hướng đến việc bảo đảm các khu công nghệ số tập trung hoạt động hiệu quả, mô hình với tổ chức phân khu chức năng hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số | Đã thể chế đầy đủ | Xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung thay thế cho Nghị định số 154/2013/NĐ-CP |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | **ĐÁNH GIÁ****(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| Quy hoạch khu công nghệ số tập trung  | Luật Quy hoạch | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật  | Quy định về phương hướng phát triển và phương án phát triển khu công nghệ số tập trung. Trong đó, Quy hoạch khu công nghệ số tập trung là nội dung trong Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh theo pháp luật về quy hoạch  |
| Thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ số tập trung | Luật Công nghiệp công nghệ số | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định chi tiết về điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung; tiêu chí công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 22 và khoản 1 Điều 33 Luật Công nghiệp công nghệ số |
| Trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung  | Luật Đầu tư | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định về hồ sơ; trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư |
| Mật độ xây dựng khu công nghệ số tập trung | Luật Xây dựng | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng tòa nhà, cơ sở sản xuất tối đa là 60% diện tích lô đất. |
| Quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung  | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng |
| Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung | Luật Kinh doanh bất động sảnLuật Đất đai | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định về điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung như: điều kiện kinh doanh bất động sản; điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; năng lực về tài chính; kinh nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật.  |
| Chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung  | Luật Công nghiệp công nghệ sốLuật Đầu tưLuật Thuế TNDNLuật Đất đaiLuật Thuế thu nhập cá nhânLuật Hải quanLuật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành |
| Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung  | Luật Công nghiệp công nghệ sốLuật Quản lý, sử dụng tài sản công | Đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo**

Việt Nam đang là thành viên tham gia một số Hiệp định Thương mại tự do và Công ước quốc tế, tuy nhiên, trong các điều ước quốc tế không có cam kết liên quan đến khu công nghệ số tập trung. Do đó, dự thảo Nghị định bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan.

1. Báo cáo của UNESCO năm 2017: [Establishing Science and Technology Parks: A Reference Guidebook for Policymakers in Asia and the Pacific](https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiQ47D0s4j_AhXmlFYBHc9vB6IQFnoECAkQAQ&url=https%3A%2F%2Frepository.unescap.org%2Fbitstream%2Fhandle%2F20.500.12870%2F114%2FESCAP-2019-MN-Establishing-science-and-technology-parks.pdf%3Fsequence%3D1&usg=AOvVaw1dP7VpGxgZ8PcqyI-0O7UP). [↑](#footnote-ref-1)
2. Dự án mở rộng khu CNTT tập trung – Công viên phần mềm Đà Nẵng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khu CNTT tập trung Yên Bình giai đoạn 1 là 200 ha trên tổng diện tích 545,5 ha. [↑](#footnote-ref-4)
5. Số liệu đạt đỉnh trong giai đoạn từ năm 2014 - 2016. [↑](#footnote-ref-5)
6. Số liệu đạt đỉnh trong giai đoạn năm 2017 - 2019. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nhiều doanh nghiệp phần mềm lớn (FPT, TMA, CMC) có nhu cầu sử dụng đất lên đến trên 10 ha/doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-7)
8. Trong năm 2024, tổng doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trong Công viên phần mềm Quang Trung đạt 569 triệu USD trên diện tích toàn khu khoảng 43 ha, tương đương doanh thu khoảng 13,23 triệu USD /ha/năm; Công viên phần mềm Đà Nẵng đạt gần 58 triệu USD với diện tích chỉ 1,08 ha, tương đương doanh thu khoảng 55 triệu USD/ha/năm. Số liệu này cho thấy hiệu quả sử dụng đất của khu CNTT tập trung rất cao so với các loại hình khu chức năng khác như khu công nghiệp, khu kinh tế với doanh thu chỉ khoảng 01 triệu USD/ha/năm (nếu không thống kê của số liệu của Samsung thì hiệu suất doanh thu/diện tích đất chỉ chưa đến 500.000 USD/ha/năm). [↑](#footnote-ref-8)
9. Công nghiệp CNTT đã trở thành lĩnh vực có quy mô lớn của nền kinh tế cả về doanh thu, xuất khẩu, chiếm tỉ trọng cao trong đóng góp ngân sách nhà nước cũng như đóng góp cho GDP. Nhiều doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đã có khả năng cạnh tranh được với các doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc trên thị trường dịch vụ phần mềm thế giới. Việt Nam thường xuyên được các tổ chức có uy tín đánh giá và xếp hạng cao trong danh sách các điểm đến hấp dẫn nhất thế giới về dịch vụ ủy thác phần mềm xuất khẩu. Năm 2021, Việt Nam được xếp thứ 6/60 về gia công dịch vụ phần mềm theo đánh giá của AT. Kearney. Theo khảo sát của Tập đoàn tư vấn NeoIT có trụ sở tại Hoa Kỳ, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội được xếp vào nhóm các thành phố dịch vụ ủy thác hấp dẫn nhất thế giới. Một số các sản phẩm phần mềm đóng gói thương hiệu Việt bắt đầu chiếm lĩnh thị phần trong nước. [↑](#footnote-ref-9)
10. Lao động ngành công nghiệp phần mềm (246.059) và và dịch vụ CNTT (96.393) chiếm 23% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT (1.504.414), tốc độ tăng trưởng bình quân/năm đạt 7,95%. Nhân lực làm phần mềm và dịch vụ CNTT chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học. [↑](#footnote-ref-10)
11. Năm 2024, năng suất lao động trung bình của Công viên phần mềm Quang Trung khoảng 1,329 tỷ VND/năm so với mức 102 triệu VND/năm của cả nước. thu nhập bình quân của người lao động của Công viên phần mềm Quang Trung đạt trên 21 triệu VND/tháng, gấp gần 04 lần so với thu nhập bình quân đầu người Việt Nam (hơn 5 triệu VND/tháng. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 5 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-13)
14. Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số. [↑](#footnote-ref-14)
15. Khoản 2 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số. [↑](#footnote-ref-15)
16. Khoản 6 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số. [↑](#footnote-ref-16)